MA TRẬN VÀ BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRACUỐI HỌC KỲ I

MÔN NGỮ VĂN 6 - NĂM HỌC 2026 - 2027

1. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

TT	Kĩ năng	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	
1	**Đọc hiểu**	- Thể loại đọc hiểu: truyện đồng thoại, truyện ngắn, thơ tự do, thơ lục bát. - Tri thức Tiếng Việt: Từ đơn, từ phức (từ ghép và từ láy); Nghĩa của từ ngữ (khái niệm nghĩa của từ và cách giải thích nghĩa của từ trong	1	5%	2	10%	1	15%			30

		ngữ cảnh); Thành ngữ; Biện pháp tu từ (so sánh, điệp ngữ, ẩn dụ, nhân hóa, hoán dụ). Dấu câu (dấu ngoặc kép, dấu phẩy, dấu gạch ngang); Từ đồng âm, từ đa nghĩa.									
2	**Viết**	- Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát.	1	5%	1	5%	1	10%			20
		- Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của em.	1	5%	1	5%	1	10%	1	30%	50
Tổng			3	15	3	20	3	35	1	30	100

Tỉ lệ %	15%	20%	35%	30%	
Tỉ lệ chung	35%		65%		

2. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

				Nhận biết	**Thông hiểu**	**Vận dụng**	**Tổng %**
I	**Đọc hiểu tích hợp tiếng Việt**	- Thể loại đọc hiểu: truyện đồng thoại, truyện ngắn, thơ tự do, thơ lục bát. - Tri thức tiếng Việt: Từ đơn, từ phức (từ ghép và từ láy); Nghĩa của từ ngữ (khái niệm nghĩa của từ và cách giải thích nghĩa của từ trong ngữ cảnh); Thành ngữ; Biện pháp tu từ (so sánh, điệp ngữ,	**Nhận biết:** - Nhận biết được một số yếu tố đặc trưng của văn bản (thể loại, ngôn từ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp nghệ thuật…). - Chỉ ra ý kiến, quan điểm chính của tác giả. - Nhận biết và hiểu được nghĩa của từ ngữ, từ ghép và từ láy, dấu câu, biện pháp tu từ: so sánh, điệp ngữ, ẩn dụ, nhân hóa, hoán dụ; Trạng ngữ; Từ đồng âm; Từ đa nghĩa. **Thông hiểu:** - Hiểu và phân tích được đề tài, chủ đề, các chi tiết tiêu biểu trong tính chỉnh thể của tác phẩm và tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện	Số câu: 2 Tỉ lệ: 10%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 10%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 10%	30%

		ẩn dụ, nhân hóa, hoán dụ). Dấu câu (dấu ngoặc kép, dấu phẩy, dấu gạch ngang); Từ đồng âm, từ đa nghĩa.	qua ngôn ngữ của văn bản. - Hiểu tác dụng của các chi tiết, hình ảnh nghệ thuật trong tác phẩm. - Hiểu và biết nhận xét, đánh giá tính chất đúng hoặc sai, biết bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong văn bản. - Phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết qua văn bản. - Nhận biết, phân tích được sắc thái nghĩa của từ ngữ và giá trị biểu đạt của từ trong văn bản. - Hiểu được các cách phát triển từ vựng của tiếng Việt. **Vận dụng**: - Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân từ vấn đề trong văn bản gợi ra. - Nêu được ý nghĩa hay tác động đối với tình cảm, nhận thức của cá nhân trước một vấn đề đặt ra trong đời				

			sống hoặc văn học. - Có khả năng diễn đạt các vấn đề trôi chảy, sử dụng từ ngữ có chọn lọc khi viết bài văn, đoạn văn.				
II	**Viết**	1. Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát.	**Nhận biết:** - Xác định được yêu cầu về nội dung hoặc hình thức của đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát. - Xác định đúng vấn đề (đối tượng biểu cảm là bài thơ lục bát) của đoạn văn. **Thông hiểu:** - Hiểu được cách làm đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát. - Phân tích được nội dung hoặc nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật (thể thơ lục bát, vần, nhịp, từ ngữ, hình ảnh...) và hiệu quả thẩm mĩ của nó trong bài thơ. **Vận dụng:** - Vận dụng các kĩ năng sử dụng từ ngữ, phương thức biểu đạt, biện pháp tu từ để ghi lại cảm	5%	5%	10%	20%

			xúc, ấn tượng sâu sắc về bài thơ lục bát. - Lời văn thuyết phục, sắc bén, thu hút, chặt chẽ. - Có sáng tạo trong diễn đạt. Thể hiện rõ quan điểm, cảm xúc đậm dấu ấn cá nhân trong bài viết.				
		2. Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của em.	**Nhận biết:** - Xác định được yêu cầu về nội dung hoặc hình thức của bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân. - Xác định đúng đối tượng, hiểu bản chất và ý nghĩa của trải nghiệm. **Thông hiểu:** - Hiểu được cách làm bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân. - Phân tích, lựa chọn được các sự việc, chi tiết tiêu biểu trong trải nghiệm. - Xác định đúng ngôi kể, góc nhìn, diễn biến sự việc theo trình tự hợp lí. - Làm nổi bật được bài học/thông điệp hoặc ý nghĩa của trải nghiệm đối với bản thân. **Vận dụng:**	5%	5%	40%	50%

			- Vận dụng các kĩ năng sử dụng từ ngữ, phương thức biểu đạt (kết hợp tự sự với miêu tả, biểu cảm), đưa ra dẫn chứng, lí giải để làm nổi bật câu chuyện trải nghiệm. - Thể hiện góc nhìn và trải nghiệm cá nhân sâu sắc. - Liên hệ thực tế và rút ra ý nghĩa, bài học nhận thức, hành động cho bản thân. - Tạo dựng bài kể chuyện trải nghiệm hoàn chỉnh, sinh động. - Lời văn thuyết phục, thu hút, chặt chẽ, giàu cảm xúc. - Có sáng tạo trong diễn đạt. Thể hiện rõ quan điểm, cảm xúc đậm dấu ấn cá nhân trong bài viết.				
Tổng			15%	25%	60%	100%
Tỉ lệ %			15%	20%	65%	100%
Tỉ lệ chung			35%		65%	100%

LÃNH ĐẠO TRƯỜNG

(Ký duyệt)

U.B.N.D PHƯỜNG PHÚ AN T.P HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ PHÚ AN

Ký bởi: Huỳnh Thị Thanh Tâm
Thời gian ký: 26/10/2026 08:10:25

Phú An, ngày 10/09/2026

TTCM

Huỳnh Thị Hồng Hoa

MA TRẬN VÀ BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRACUỐI HỌC KỲ I

MÔN NGỮ VĂN 7 - NĂM HỌC 2026 - 2027

1. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

TT	Kĩ năng	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	
1	Đọc hiểu	- Tri thức thể loại văn bản: + Truyện ngắn, + Thơ bốn chữ, năm chữ. + Văn bản nghị luận; + Tuỳ bút, tản văn - Tri thức Tiếng Việt: + Mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ + Biện pháp tu từ Nói giảm nói tránh + Số từ, phó từ. + Ngữ cảnh và nghĩa của từ trong ngữ cảnh + Từ ngữ địa phương.	1	5%	2	10%	1	15%			30

		- Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ 4 chữ, 5 chữ	1	5%	1	5%	1	10%			20
2	**Viết**	- Kiểu bài viết bài văn: + Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học + Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.	1	5%	1	5%	1	10%	1	30%	50
Tổng			3	15	3	20	3	35	1	30	100
Tỉ lệ %			15%		20%		35%		30%		
Tỉ lệ chung			35%				65%				

II. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

				Nhận biết	**Thông hiểu**	**Vận dụng**	**Tổng %**
I	**Đọc hiểu tích hợp tiếng Việt**	- Thể loại đọc hiểu: + Truyện ngắn,	**Nhận biết:** - Nhận biết được một số yếu tố đặc trưng của truyện (Chi tiết tiêu biểu, đề tài, nhân vật) trong tính chỉnh thể của tác phẩm - Nhận biết được một số	Số câu: 2 Tỉ lệ: 10%			30%

		+ Thơ bốn chữ, năm chữ. + Văn bản nghị luận + Tuỳ bút, tản văn - Tri thức Tiếng Việt: + Mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ + Biện pháp tu từ Nói giảm nói tránh + Số từ, phó từ. + Ngữ cảnh và nghĩa của từ trong ngữ cảnh	yếu tố đặc trưng của thể thơ bốn chữ, thơ năm chữ (ngôn từ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp nghệ thuật…). - Nhận biết được một số yếu tố của Tản văn, tuỳ bút (chất trữ tình, cái tôi, ngôn ngữ của tuỳ bút, tản văn.) - Nhận biết tác dụng của việc mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ - Nhận biết được biện pháp tu từ Nói giảm, nói tránh - Nhận biết được đặc điểm của Số từ, phó từ - Nhận biết được Ngữ cảnh và nghĩa của từ trong Ngữ cảnh - Xác định được từ ngữ địa phương **Thông hiểu:** - Hiểu và phân tích được đề tài, chủ đề, các chi tiết tiêu biểu trong tính chỉnh thể của tác phẩm và nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ của văn bản. - Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vấn, nhịp, biện pháp tu từ. - Hiểu và biết nhận xét, đánh giá tính chất đúng hoặc sai, biết bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn		Số câu: 2 Tỉ lệ: 10%	Số câu: 1 Tỉ lệ: 10%	

		- Từ ngữ địa phương.	đề đặt ra trong văn bản. - Phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản. - Phân tích được vai trò của việc mở rộng trạng ngữ trong câu. - Hiểu và nhận xét được tác dụng của biện pháp tu từ nói giảm nói tránh. - Hiểu được chức năng của Số từ, phó từ. - Hiểu và biết sử dụng từ ngữ đúng với ngữ cảnh. - Hiểu và biết sử dụng từ ngữ địa phương một cách phù hợp. **Vận dụng**: - Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân từ vấn đề trong văn bản gợi ra. - Nêu được ý nghĩa hay tác động đối với tình cảm, nhận thức của cá nhân trước một vấn đề đặt ra trong đời sống hoặc văn học.				
II	**Viết**	1. Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ 4 chữ, 5 chữ	**Nhận biết:** - Xác định được yêu cầu về nội dung hoặc hình thức của đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài 4 chữ, 5 chữ - Xác định đúng vấn đề của đoạn văn. **Thông hiểu:**	5%	5%	10%	20%

			- Hiểu được cách làm đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ 4 chữ, 5 chữ. - Phân tích được nội dung hoặc nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và hiệu quả thẩm mĩ của nó. **Vận dụng**: - Vận dụng các kĩ năng sử dụng từ ngữ, phương thức biểu đạt, biện pháp tu từ để ghi lại cảm xúc về một bài thơ 4 chữ, 5 chữ - Lời văn thuyết phục, sắc bén, thu hút, chặt chẽ. - Có sáng tạo trong diễn đạt. Thể hiện rõ quan điểm, cảm xúc đậm dấu ấn cá nhân trong bài viết.				
		2. Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học	**Nhận biết:** - Xác định được yêu cầu về nội dung hoặc hình thức của bài văn nghị luận phân tích đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học - Xác định đúng nội dung cần phân tích **Thông hiểu:** - Hiểu rõ cấu trúc và các bước triển khai bài văn bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học **Vận dụng**: - Viết được bài văn phân tích đặc điểm nhân vật - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung phần phân tích	5%	5%	40%	50%

			- Lời văn thuyết phục, sắc bén, thu hút, chặt chẽ. - Có sáng tạo trong diễn đạt. Thể hiện rõ quan điểm, cảm xúc đậm dấu ấn cá nhân trong bài viết.				
		3. Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.	**Nhận biết:** - Xác định được yêu cầu về nội dung hoặc hình thức của bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc. - Xác định đúng nội dung cần biểu cảm. **Thông hiểu:** - Hiểu rõ cấu trúc và các bước triển khai bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc. **Vận dụng**: - Viết được bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc. - Lời văn sinh động, giàu cảm xúc. - Có sáng tạo trong diễn đạt. Thể hiện rõ tình cảm, suy nghĩ đối với người hoặc sự vật được nói đến				
Tổng				15%	25%	60%	100%
Tỉ lệ %				15%	20%	65%	100%
Tỉ lệ chung				35%		65%	100%

LÃNH ĐẠO TRƯỜNG

(Ký duyệt)

U.B.N.D PHƯỜNG PHÚ AN T.P HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ PHÚ AN

Ký bởi: Huỳnh Thị Thanh Tâm
Thời gian ký: 26/10/2026 08:09:49

Phú An, ngày 10/09/2026

TTCM

Huỳnh Thị Hồng Hoa

MA TRẬN VÀ BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRACUỐI HỌC KỲ I

MÔN NGỮ VĂN 8 - NĂM HỌC 2026 - 2027

1. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

TT	Kĩ năng	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	
1	Đọc hiểu	- Tri thức thể loại: Truyện lịch sử; Thơ tự do; Thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt; Văn nghị luận;Truyện cười - Tri thức Tiếng Việt: Biệt ngữ xã hội, từ ngữ địa phương;Từ tượng hình, từ tượng thanh, đảo ngữ; Đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp; Thành ngữ Hán Việt; Câu hỏi tu từ; Nghĩa tường	1	5%	2	10%	1	15%			30

		minh và nghĩa hàm ẩn của câ									
2	**Viết**	- Viết đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ thất ngôn bát cú, thơ tứ tuyệt. - Viết đoạn văn phát biểu cảm nghĩ về nhân vật trong truyện lịch sử hoặc truyện cười.	1	5%	1	5%	1	10%			20
		- Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ bát cú hoặc tứ tuyệt) - Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong	1	5%	1	5%	1	10%	1	30%	50

		mối quan hệ với cộng đồng, đất nước).									
Tổng			3	15	3	20	3	35	1	30	100
Tỉ lệ %			15%		20%		35%		30%		
Tỉ lệ chung			35%				65%				

II. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

				Nhận biết	**Thông hiểu**	**Vận dụng**	**Tổng %**
I	**Đọc hiểu tích hợp tiếng Việt**	- Tri thức thể loại: Truyện lịch sử;Thơ tự do; Thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt; Văn nghị luận;Truyện cười - Tri thức Tiếng Việt: Biệt ngữ xã hội, từ ngữ địa phương;Từ tượng hình, từ tượng thanh, đảo ngữ; Đoạn văn diễn dịch, quy nạp, song song, phối hợp; Thành ngữ Hán	**Nhận biết:** - Nhận diện bối cảnh, sự kiện và nhân vật lịch sử trong văn bản. - Nhận diện luật thơ, niêm, vần, đối, bố cục (Đề - Thực - Luận - Kết hoặc Khởi - Thừa - Chuyển - Hợp). - Nhận diện vấn đề nghị luận, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng. - Nhận biết được thể thơ tự do. - Nhận biết vần, nhịp hoặc cách ngắt nhịp trong bài thơ. - Xác định được hình ảnh, từ ngữ, chi tiết nổi bật. Nhận biết các biện pháp tu từ được sử dụng. - Nhận biết được thể loại truyện cười. Xác định nhân vật, sự	Số câu: 2 Tỉ lệ: 10%	Số câu: 2 Tỉ lệ: 10%		30%

		Việt; Câu hỏi tu từ; Nghĩa tường minh và nghĩa hàm ẩn của câu.	việc, tình huống trong truyện. Nhận biết được ngôi kể. - Nhận diện từ ngữ địa phương hoặc biệt ngữ trong văn bản. - Nhận diện các từ tượng hình/tượng thanh và phép đảo ngữ. - Nhận diện kiểu cấu trúc đoạn văn qua vị trí câu chủ đề. - Nhận biết được thành ngữ Hán Việt trong câu/văn bản. Xác định được nghĩa của thành ngữ - Nhận biết được câu hỏi tu từ. Chỉ ra câu hỏi tu từ trong đoạn văn/thơ. - Nhận biết được nghĩa tường minh của câu. Nhận biết được nghĩa hàm ẩn. **Thông hiểu:** - Phân tích mối quan hệ giữa sự thật lịch sử và yếu tố hư cấu; đánh giá tính cách nhân vật và tư tưởng tác phẩm. - Hiểu được ý nghĩa hình ảnh thơ, tâm trạng nhân vật trữ tình và giá trị biểu đạt của ngôn từ hàm súc. - Phân tích tính logic, chặt chẽ của hệ thống			Số câu: 1 Tỉ lệ: 10%	

			lí lẽ - bằng chứng và mục đích của tác giả. - Giải thích được ý nghĩa của từ ngữ, hình ảnh, câu thơ. - Phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ. - Giải thích được ý nghĩa của một hình ảnh hoặc chi tiết thơ. - Giải thích được nguyên nhân tạo nên tiếng cười. - Hiểu được ý nghĩa của chi tiết bất ngờ ở cuối truyện. - Hiểu giá trị biểu đạt (thể hiện sắc thái vùng miền, tầng lớp, cá tính nhân vật). - Phân tích hiệu quả gợi hình, gợi cảm, tăng nhịp điệu và nhấn mạnh ý nghĩa. - Hiểu vai trò mạch lạc và chức năng lập luận của từng kiểu đoạn văn. - Giải thích được nghĩa của thành ngữ Hán Việt trong ngữ cảnh cụ thể, tác dụng của việc sử dụng thành ngữ. - Giải thích được mục đích sử dụng câu hỏi tu từ. - Phân tích tác dụng của câu hỏi tu từ				

			trong việc biểu đạt cảm xúc. - Giải thích được hàm ý của người nói/người viết, căn cứ để suy ra hàm ý. **Vận dụng**: - Rút ra bài học ứng xử, lòng yêu nước hoặc liên hệ thực tiễn. - Vận dụng cảm xúc hoặc thông điệp bài thơ vào đời sống. - Vận dụng quan điểm để giải quyết vấn đề thực tiễn đơn giản. - Sử dụng linh hoạt trong giao tiếp phù hợp với ngữ cảnh. - Viết đoạn văn miêu tả, biểu cảm sinh động bằng các biện pháp này. - Viết thành thạo các kiểu đoạn văn theo đúng cấu trúc yêu cầu. - Sử dụng thành ngữ Hán Việt phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp. Đặt câu với thành ngữ Hán Việt. - Sử dụng câu hỏi tu từ phù hợp hoàn cảnh. - Sử dụng hàm ý phù hợp trong giao tiếp. Tạo câu có nghĩa hàm ẩn theo yêu cầu				

II	**Viết**	1. Viết đoạn văn: thể hiện cảm xúc về một bài thơ thất ngôn bát cú, thơ tứ tuyệt.	**Nhận biết:** Xác định đúng yêu cầu về nội dung (cảm xúc về bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt) và hình thức (dung lượng, bố cục của đoạn văn). **Thông hiểu:** Hiểu cách triển khai đoạn văn biểu cảm, lựa chọn các dẫn chứng (hình ảnh, từ ngữ đặc sắc) và kết hợp các phương thức biểu đạt, lập luận để làm nổi bật cảm xúc, chủ đề bài thơ. **Vận dụng**: Viết thành thạo đoạn văn hoàn chỉnh với diễn đạt mạch lạc, cảm xúc chân thành, sâu sắc và đúng chuẩn hình thức.	5%	5%	10%	20%
		2. Viết đoạn văn phát biểu cảm nghĩ về nhân vật trong truyện lịch sử hoặc truyện cười.	**Nhận biết:** Xác định nhân vật, đặc điểm, chi tiết và cảm xúc ban đầu đối với nhân vật. **Thông hiểu:** Giải thích, nhận xét phẩm chất nhân vật; lí giải tình cảm của bản thân bằng chi tiết trong truyện. **Vận dụng:** Viết đoạn văn hoàn chỉnh, có cảm				

			xúc, dẫn chứng, nhận xét và liên hệ phù hợp.				
		3. Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ bát cú hoặc tứ tuyệt)	**Nhận biết:** Xác định đúng yêu cầu về hình thức (cấu trúc bài văn gồm mở bài, thân bài, kết bài; dung lượng) và đối tượng phân tích (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc thơ tứ tuyệt, các yếu tố hình thức tiêu biểu như từ ngữ, hình ảnh, nhịp điệu, niêm luật...). **Thông hiểu:** Hiểu rõ cấu trúc triển khai bài văn phân tích thơ; phân tích được giá trị nội dung (tâm trạng, cảm xúc, chủ đề) và giá trị nghệ thuật (biện pháp tu từ, cấu tứ, ngôn ngữ hàm súc) của bài thơ; lựa chọn hệ thống luận điểm, lí lẽ và dẫn chứng thuyết phục. **Vận dụng:** Vận dụng linh hoạt các thao tác lập luận (phân tích, chứng minh, bình luận...) để viết bài văn hoàn chỉnh; lời văn mạch lạc, sắc bén, lập luận chặt chẽ, thể hiện cảm nhận tinh tế và	5%	5%	40%	50%

			dấu ấn cá nhân khi đánh giá tác phẩm.				
		4. Viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (con người trong mối quan hệ với cộng đồng, đất nước).	**Nhận biết:** Xác định vấn đề, luận đề, đối tượng nghị luận; nhận biết cấu trúc bài văn, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng. **Thông hiểu** Giải thích, phân tích biểu hiện, nguyên nhân, ý nghĩa; nhận xét đúng – sai và lựa chọn dẫn chứng phù hợp. **Vận dụng** Viết bài văn hoàn chỉnh; trình bày quan điểm, lập luận chặt chẽ, có dẫn chứng, phản biện, liên hệ và đề xuất giải pháp.				
Tổng				15%	25%	60%	100%
Tỉ lệ %				15%	20%	65%	100%
Tỉ lệ chung				35%		65%	100%

LÃNH ĐẠO TRƯỜNG

(Ký duyệt)

U.B.N.D PHƯỜNG PHÚ AN T.P HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ PHÚ AN

Ký bởi: Huỳnh Thị Thanh Tâm
Thời gian ký: 26/10/2026 08:09:18

Phú An, ngày 10/09/2026

TTCM

Huỳnh Thị Hồng Hoa

MA TRẬN VÀ BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRACUỐI HỌC KỲ I

MÔN NGỮ VĂN 9 - NĂM HỌC 2026 - 2027

1. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

TT	Kĩ năng	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	
1	**Đọc hiểu**	- Thể loại đọc hiểu: Tri thức truyện truyền kì, thơ song thất lục bát, truyện thơ Nôm, văn bản nghị luận. - Tri thức Tiếng Việt: Điển tích, điển cố, biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh, điệp vần, cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp, câu rút gọn.	1	5%	2	10%	1	15%			30

		- Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ song thất lục bát.	1	5%	1	5%	1	10%			20
2	**Viết**	- Viết bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết. - Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ song thất lục bát, truyện).	1	5%	1	5%	1	10%	1	30%	50
Tổng			3	15	3	20	3	35	1	30	100
Tỉ lệ %			15%		20%		35%		30%		
Tỉ lệ chung			35%				65%				

2. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

				Nhận biết	**Thông hiểu**	**Vận dụng**	**Tổng %**
I	**Đọc hiểu tích hợp tiếng Việt**	- Thể loại đọc hiểu: Tri thức truyện truyền kì, thơ song thất lục	**Nhận biết:** - Nhận biết được một số yếu tố đặc trưng của truyện truyền kì. Chỉ ra yếu tố kì ảo, chi tiết tiêu biểu của truyện truyền kì.	Số câu: 2 Tỉ lệ: 10%			30%

		bát, truyện thơ Nôm, văn bản nghị luận. - Tri thức Tiếng Việt: Điển tích, điển cố, biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh, điệp vần, cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp, câu rút gọn.	- Nhận biết một số đặc trưng của thể thơ song thất lục bát, truyện thơ Nôm. (ngôn từ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp nghệ thuật…). - Nhận biết điển tích, điển cố, biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh, điệp vần, - Nhận biết được sự khác nhau của cách dẫn trực tiếp và cách dẫn gián tiếp trong văn bản - Nhận biết được câu rút gọn **Thông hiểu:** - Hiểu và phân tích được đề tài, chủ đề, các chi tiết tiêu biểu trong tính chỉnh thể của tác phẩm và tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ của văn bản. - Hiểu tác dụng của các chi tiết, hình ảnh nghệ thuật trong tác phẩm. - Hiểu và biết nhận xét, đánh giá tính chất đúng hoặc sai, biết bày tỏ quan điểm của bản thân về vấn đề đặt ra trong		Số câu: 2 Tỉ lệ: 10%		

			văn bản. - Phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản. - Phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ chơi chữ, điệp thanh, điệp vần - Biết cách chuyển đổi từ cách dẫn trực tiếp sang cách dẫn gián tiếp trong. - Phân tích được giá trị biểu đạt câu rút gọn trong văn bản và khôi phục lại được thành phần đã rút gọn **Vận dụng**: - Nêu được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử của cá nhân từ vấn đề trong văn bản gợi ra. - Nêu được ý nghĩa hay tác động đối với tình cảm, nhận thức của cá nhân trước một vấn đề đặt ra trong đời sống hoặc văn học.			Số câu: 1 Tỉ lệ: 10%	
II	**Viết**	1. Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ song thất	**Nhận biết:** - Xác định được yêu cầu về nội dung hoặc hình thức của đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài	5%	5%	10%	20%

		lục bát.	thơ Song thất lục bát - Xác định đúng vấn đề của đoạn văn. **Thông hiểu:** - Hiểu được cách làm đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ song thất lục bát. - Phân tích được nội dung hoặc nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và hiệu quả thẩm mĩ của nó. **Vận dụng**: - Vận dụng các kĩ năng sử dụng từ ngữ, phương thức biểu đạt, biện pháp tu từ để ghi lại cảm xúc về một bài thơ song thất lục bát - Lời văn thuyết phục, sắc bén, thu hút, chặt chẽ. - Có sáng tạo trong diễn đạt. Thể hiện rõ quan điểm, cảm xúc đậm dấu ấn cá nhân trong bài viết.				
		2. Kiểu bài viết bài văn: + Viết bài văn nghị luận về một vấn đề	**Nhận biết:** - Xác định được yêu cầu về nội dung hoặc hình thức của bài văn nghị luận. - Xác định đúng vấn đề cần nghị	5%	5%	40%	50%

		cần giải quyết.	luận. **Thông hiểu:** - Hiểu rõ cấu trúc và các bước triển khai bài văn nghị luận về một vấn đề cần giải quyết. - Phân tích được nguyên nhân (chủ quan, khách quan) và tác hại/hệ lụy của vấn đề đối với cá nhân, học sinh hoặc cộng đồng. - Lựa chọn được các giải pháp thiết thực, khả thi; biết cách sắp xếp các luận điểm, dẫn chứng thực tế đời sống một cách lô-gic, hợp lí. **Vận dụng**: - Vận dụng linh hoạt các thao tác lập luận (giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận, đề xuất giải pháp), kết hợp nhuần nhuyễn các phương thức biểu đạt và dẫn chứng xác thực để làm rõ và giải quyết vấn đề một cách thuyết phục. - Lời văn thuyết phục, sắc bén, thu hút, chặt chẽ. - Có sáng tạo trong diễn đạt. Thể hiện rõ				

			quan điểm, cảm xúc đậm dấu ấn cá nhân trong bài viết.				
		3.Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (thơ song thất lục bát).	**Nhận biết:** - Xác định được yêu cầu về nội dung hoặc hình thức của bài văn nghị luận. - Xác định đúng vấn đề nghị luận. **Thông hiểu:** - Hiểu được cách làm bài văn nghị luận văn học. - Phân tích được nội dung hoặc nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và hiệu quả thẩm mĩ của nó. **Vận dụng**: - Vận dụng các kĩ năng sử dụng từ ngữ, phương thức biểu đạt, biện pháp tu từ để làm sáng tỏ chủ đề, thông điệp, tình cảm mà tác giả gửi gắm trong tác phẩm. - Lời văn thuyết phục, sắc bén, thu hút, chặt chẽ. - Có sáng tạo trong diễn đạt. Thể hiện rõ quan điểm, cảm xúc đậm dấu ấn cá nhân				

			trong bài viết.				
Tổng				15%	25%	60%	100%
Tỉ lệ %				15%	20%	65%	100%
Tỉ lệ chung				35%		65%	100%

LÃNH ĐẠO TRƯỜNG

(Ký duyệt)

U.B.N.D PHƯỜNG PHÚ AN T.P HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ PHÚ AN

Ký bởi: Huỳnh Thị Thanh Tâm
Thời gian ký: 26/10/2026 08:08:29

Phú An, ngày 10/09/2026

TTCM

Huỳnh Thị Hồng Hoa